

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 23-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ trụ sở: Số 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Ngọc H - Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 32- HAP19 ngày 23/12/2019); có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thế H; nơi cư trú: Đường L, phường V, quận Q, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trình bày:

Ngày 04/11/2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần A sau đây viết tắt (A) đã ký kết với ông Nguyễn Thế H theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số HAP.CN.627.041116 ngày 04/11/2016. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay; lãi suất vay trong hạn: 11%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; số tiền giải ngân: 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng); mục đích vay vốn: UIL, tiêu dùng tín chấp, hỗ trợ tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình; phương thức cho vay từng lần. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng A đã chuyển toàn bộ số tiền vay cho ông Nguyễn Thế H số tài khoản 207527039 ngày 04/11/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến ngày 05/6/2020 ông Nguyễn Thế H đã trả nợ được cho A với tổng số tiền 75.667.559 đồng; trong đó: Nợ gốc 59.586.600 đồng; nợ lãi: 16.080.889 đồng.

Tuy nhiên, đến nay ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho A. Mặc dù A đã thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với ông H, nhưng ông H không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Do đó, A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thế H phải trả nợ cho A số tiền gốc và lãi tính tạm tính đến ngày 23/6/2020 là: 20.937.575 đồng; trong đó: nợ gốc: 10.413.340 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.850.002 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.674.233 đồng, phạt chậm trả lãi: 1.000.000 đồng; ông H tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 24/6/2020 đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; ông Nguyễn Thế H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Tại bản tự khai ngày 16/3/2020 bị đơn ông Nguyễn Thế H xác nhận:

Ngày 04/11/2016, ông đã ký kết với A vay tiền của A, theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số HAP.CN.627.041116 ngày 04/11/2016. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày vay; lãi suất vay trong hạn: 11%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; số tiền giải vay: 70.000.000 đồng; mục đích vay vốn: UIL, tiêu dùng tín chấp, hỗ trợ tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình; phương thức cho vay từng lần. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng A đã chuyển số tiền trên cho ông Nguyễn Thế H số tài khoản 207527039 ngày 04/11/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã trả nợ được cho A với tổng số tiền 75.667.559 đồng; trong đó: Nợ gốc 59.586.600 đồng; nợ lãi: 16.080.889 đồng. Do làm ăn khó khăn nên ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Vì vậy, A có đơn khởi kiện tại Tòa án. Ông xác nhận còn nợ và thanh toán trả cho A số tiền nợ gốc và lãi của A theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số HAP.CN.627.041116 ngày 04/11/2016. Tuy nhiên ông H đề nghị A xem xét miễn một phần lãi suất và đề nghị Tòa án tiếp tục cho ông thêm thời gian để thỏa thuận với A.

Tại phiên toà:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thế H phải trả cho A theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số HAP.CN.627.041116 ngày 04/11/2016 và cung cấp bản sao kê dư nợ số tiền tạm tính đến ngày 23/6/2020 là: 20.937.575 đồng; trong đó: nợ gốc: 10.413.340 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.850.002 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.674.233 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi 1.000.000 đồng; ông H tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 24/6/2020 đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi tại hợp đồng tín dụng; về án phí: Ông Nguyễn Thế H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thế H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn ông Nguyễn Thế H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng vào Điều 121; Điều 122; Điều 388; Điều 389; Điều 471; Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; áp dụng vào Điều 90; Điều 91; Điều 94; Điều 95; Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; áp dụng vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A: Buộc ông Nguyễn Thế H phải trả cho A số tiền tạm tính đến ngày 23/6/2020 là: 20.937.575 đồng; trong đó: nợ gốc: 10.413.340 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.850.002 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.674.233 đồng; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi 1.000.000 đồng; ông H tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 24/6/2020 đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi tại hợp đồng tín dụng; về án phí: Ông Nguyễn Thế H phải chịu hoàn toàn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tổ tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng được ký kết với ông Nguyễn Thế H. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng trong thời hạn luật định, bị đơn cư trú thuộc địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

[3] Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số HAP.CN.627.041116 ngày 04/11/2016 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật theo Điều 121, Điều 122, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng theo quy định tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay 70.000.000 đồng; bị đơn đã nhận đủ số tiền, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 6 của Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng sao kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử ngày 23/6/2020. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là phù hợp với nhau. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các điều 471, điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005,

buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc tính đến ngày 23/6/2020 là 10.413.340 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số HAP.CN.627.041116 ngày 04/11/2016.

+ Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn đối với bị đơn:

[5] Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Để chứng minh căn cứ của nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi đối với bị đơn theo các hợp đồng tín dụng đã ký từ thời điểm giải ngân các khoản vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Như vậy, bảng tính lãi của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận. Đối chiếu bản tính lãi với tập sao kê do A cung cấp, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/6/2020 thì khoản tiền nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số HAP.CN.627.041116 ngày 04/11/2016 là nợ lãi trong hạn: 3.850.002 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.674.233 đồng. Xét cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thế H đề nghị A miễn một phần lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa A không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Thế H là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền phạt chậm trả là 1.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối khoản tiền phạt chậm trả mà nguyên đơn đã xin rút tại phiên tòa.

[8] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thế H phải trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số HAP.CN.627.041116 đã ký kết ngày 04/11/2016.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Thế H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng và ông Nguyễn Thế H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 124; Điều 388; Điều 389; Điều 471; Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 90; Điều 91; Điều 94; Điều 95; Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A: Buộc ông Nguyễn Thế H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số HAP.CN.627.041116 ngày 04/11/2016, tạm tính đến ngày 23/6/2020 là 20.937.575 (hai mươi triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi lăm) đồng; trong đó: nợ gốc: 10.413.340 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.850.002 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.674.233 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc buộc ông Nguyễn Thế H về khoản tiền phạt chậm trả lãi là 1.000.000 (một triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/6/2020, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Thế H phải nộp 1.046.879 (một triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 915.000 đồng (chín trăm mười lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006218

ngày 30/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Thế H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.